

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Số: 25/2024/CBTT/TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Tây Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

- Mã chứng khoán: TCT
- Địa chỉ: Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại liên hệ: (0276) 3823448
- Website: <https://catour.com.vn>
- E-mail: phongkinhdoanh@catour.com.vn

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn: <https://catour.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người Ủy quyền công bố thông tin
(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Phạm Thế Hùng

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-21

01
CỔ
HÀNG
A
TNI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch/Giám đốc
Ông Trịnh Văn Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Nam	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Võ Như Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2024
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên	
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

12/08/2024



Số: 100824.007/BCTC.FIS2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh được lập ngày 10 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 21 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2024

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		348.437.378.778	349.060.655.570
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	2.023.742.976	2.265.003.393
111	1. Tiền		2.023.742.976	140.003.393
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.125.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		23.345.000.000	23.870.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	23.345.000.000	23.870.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		308.820.685.523	314.197.944.514
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.110.711.965	250.057.019
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		447.398.326	71.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	290.352.328.771	290.352.328.771
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	16.910.246.461	23.524.558.724
140	IV. Hàng tồn kho	8	11.953.725.772	7.818.408.565
141	1. Hàng tồn kho		11.953.725.772	7.818.408.565
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.294.224.507	909.299.098
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.931.885.875	1.666.664
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		362.338.632	907.632.434
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.961.987.761	12.615.616.759
220	I. Tài sản cố định		10.833.231.049	11.911.409.189
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	10.833.231.049	11.911.409.189
222	- Nguyên giá		294.480.986.234	296.067.193.352
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(283.647.755.185)	(284.155.784.163)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		125.000.000	125.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.000.000)	(125.000.000)
260	II. Tài sản dài hạn khác		1.128.756.712	704.207.570
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.128.756.712	704.207.570
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		360.399.366.539	361.676.272.329

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		18.314.532.937	30.448.453.991
310	I. Nợ ngắn hạn		18.314.532.937	30.448.453.991
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	12.572.954.661	21.415.820.904
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	4.672.904.962	4.675.612.370
314	3. Phải trả người lao động		380.967.539	1.927.745.195
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		282.333.448	2.104.514.073
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		74.045.461	11.318.183
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		80.474.449	62.590.849
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		250.852.417	250.852.417
400	B. NGUỒN VỐN		342.084.833.602	331.227.818.338
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	342.084.833.602	331.227.818.338
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		127.880.000.000	127.880.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		127.880.000.000	127.880.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		51.418.611.387	51.418.611.387
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		162.786.222.215	151.929.206.951
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		151.929.206.951	133.581.045.590
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		10.857.015.264	18.348.161.361
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		360.399.366.539	361.676.272.329



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	15	20.705.211.967	36.753.165.341
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		20.705.211.967	36.753.165.341
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	16	14.531.811.248	18.463.850.382
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		6.173.400.719	18.289.314.959
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	10.733.383.127	12.581.665.520
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	18	1.220.926.868	3.969.017.760
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	2.075.629.553	2.090.124.479
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.610.227.425	24.811.838.240
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		5.726.676	-
40	13. Lợi nhuận khác		(5.726.676)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.604.500.749	24.811.838.240
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	2.747.485.485	4.987.807.648
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>10.857.015.264</u>	<u>19.824.030.592</u>
71	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	849	1.550



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.604.500.749	24.811.838.240
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.078.178.140	1.496.550.965
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(10.733.383.127)	(12.581.665.520)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.949.295.762	13.726.723.685
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		(672.759.470)	1.019.875.032
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		(4.135.317.207)	257.543.004
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(9.930.552.698)	1.728.905.078
12	(Tăng) chi phí trả trước		(2.354.768.353)	(1.656.798.733)
15	Thuế TNDN đã nộp		(4.650.845.441)	(5.946.665.530)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(1.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.794.947.407)	9.128.582.536
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(300.008.400)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(73.345.000.000)	(28.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		73.870.000.000	26.965.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		17.328.695.390	883.521.795
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		17.553.686.990	(651.478.205)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(241.260.417)	8.477.104.331
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.265.003.393	1.902.469.789
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2.023.742.976	10.379.574.120



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.880.000.000 VND, tương đương 12.788.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 30 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo; máng trượt và các dịch vụ khác.

Đặc điểm hoạt động trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2024, hoạt động của Công ty không thay đổi so với 6 tháng đầu năm 2023. Tuy nhiên, do có thêm sự cạnh tranh từ công ty kinh doanh cáp treo khác khiến cho doanh thu giảm so với kỳ trước. Bên cạnh đó, tỷ trọng định phí trong cơ cấu giá vốn chiếm tỷ trọng khá cao khiến cho giá vốn không thay đổi nhiều, dẫn đến lợi nhuận gộp cũng như lợi nhuận trước thuế giảm mạnh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng của tài sản cố định, công cụ dụng cụ;
- Dự phòng và phân loại các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính về thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
▶ Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
▶ Phương tiện vận tải	06 năm
▶ Thiết bị quản lý	03 - 09 năm
▶ Các tài sản khác	04 - 09 năm
▶ Phần mềm kế toán, bản vé điện tử	03 năm

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 05 đến 24 tháng.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về dịch vụ quảng cáo, cho thuê địa điểm. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.15 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt tại khu vực Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	450.665.337	29.754.792
Tiền gửi ngân hàng	1.573.077.639	1.10.248.601
Các khoản tương đương tiền	-	2.125.000.000
	2.023.742.976	2.265.003.393

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Tại ngày 30/06/2024, “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,7%/năm.

5. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mặt Trời Tây Ninh	1.045.103.562	247.285.019
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	65.608.403	2.772.000
	1.110.711.965	250.057.019
Trong đó, phải thu khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 24)	1.110.711.965	250.057.019

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cho vay các tổ chức	290.352.328.771	290.352.328.771
	290.352.328.771	290.352.328.771

Khoản cho vay các tổ chức với mục đích tối ưu nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của bên đi vay, phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn và lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ và phụ lục điều chỉnh.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	16.899.246.461	23.494.558.724
Tạm ứng	11.000.000	30.000.000
	16.910.246.461	23.524.558.724

8. Hàng tồn kho

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.849.098.363	3.502.539.939
Công cụ, dụng cụ	7.102.017.409	4.312.133.626
Hàng hóa	2.610.000	3.735.000
	11.953.725.772	7.818.408.565

9. Chi phí trả trước

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất	1.865.694.311	-
Chi phí khác	66.191.564	1.666.664
	1.931.885.875	1.666.664
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.007.610.500	638.262.311
Chi phí khác	121.146.212	65.945.259
	1.128.756.712	704.207.570

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	69.597.505.179	209.114.680.607	2.794.211.455	12.402.921.269	2.157.874.842	296.067.193.352
Giảm khác	(180.757.318)	-	-	(1.405.449.800)	-	(1.586.207.118)
Tại ngày 30/06/2024	69.416.747.861	209.114.680.607	2.794.211.455	10.997.471.469	2.157.874.842	294.480.986.234
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	59.025.742.308	209.009.177.052	2.786.894.279	11.176.095.682	2.157.874.842	284.155.784.163
Khấu hao trong kỳ	405.431.079	68.709.666	2.926.870	601.110.525	-	1.078.178.140
Giảm khác	(180.757.318)	-	-	(1.405.449.800)	-	(1.586.207.118)
Tại ngày 30/06/2024	59.250.416.069	209.077.886.718	2.789.821.149	10.371.756.407	2.157.874.842	283.647.755.185
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	10.571.762.871	105.503.555	7.317.176	1.226.825.587	-	11.911.409.189
Tại ngày 30/06/2024	10.166.331.792	36.793.889	4.390.306	625.715.062	-	10.833.231.049

▶ Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 271.930.736.591 VND.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Trong kỳ		30/06/2024
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	9.183.252	9.183.252	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.650.845.441	2.747.485.485	4.650.845.441	2.747.485.485
Thuế thu nhập cá nhân	10.143.825	196.118.286	157.771.498	48.490.613
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.731.388.622	1.891.370.046	1.840.018.576
Các khoản phải nộp khác	14.623.104	272.669.410	250.382.226	36.910.288
	4.675.612.370	6.956.845.055	6.959.552.463	4.672.904.962

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Chi nhánh Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại Hòn Thơm	6.488.100.000	6.488.100.000	6.488.100.000	6.488.100.000
Doppelmayr Seilbahnen GmbH	1.899.042.056	1.899.042.056	-	-
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Thái Dương	1.321.681.377	1.321.681.377	1.321.681.377	1.321.681.377
Công ty TNHH Tập đoàn Sun World	299.506.000	299.506.000	2.299.506.000	2.299.506.000
Công ty TNHH Cung ứng hàng hóa Phương Nam	-	-	6.346.274.749	6.346.274.749
Khác	2.564.625.228	2.564.625.228	4.960.258.778	4.960.258.778
	12.572.954.661	12.572.954.661	21.415.820.904	21.415.820.904
Trong đó, phải trả người bán là bên liên quan <i>(Thuyết minh số 24)</i>	1.790.230.066	1.790.230.066	79.841.958	79.841.958

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	127.880.000.000	51.418.611.387	139.975.045.590	319.273.656.977
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	19.824.030.592	19.824.030.592
Tại ngày 30/06/2023	127.880.000.000	51.418.611.387	159.799.076.182	339.097.687.569
Tại ngày 01/01/2024	127.880.000.000	51.418.611.387	151.929.206.951	331.227.818.338
Lợi nhuận kỳ này	-	-	10.857.015.264	10.857.015.264
Tại ngày 30/06/2024	127.880.000.000	51.418.611.387	162.786.222.215	342.084.833.602

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh	65.220.800.000	51,00	65.220.800.000	51,00
Công ty Bảo Việt Nhân thọ Tây Ninh	12.000.000.000	9,38	12.000.000.000	9,38
Tập đoàn Bảo Việt	8.459.600.000	6,62	8.459.600.000	6,62
Nhà đầu tư khác	42.199.600.000	33,00	42.199.600.000	33,00
	127.880.000.000	100,00	127.880.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	127.880.000.000	127.880.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	127.880.000.000	127.880.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

14. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký 02 (hai) hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009.
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/05/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại xã Thạch Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

15. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	19.995.250.095	35.747.948.184
Dịch vụ khác	709.961.872	1.005.217.157
	20.705.211.967	36.753.165.341
Trong đó, doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	1.145.027.079	702.155.228

16. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	14.316.320.055	18.040.810.862
Dịch vụ khác	215.491.193	423.039.520
	14.531.811.248	18.463.850.382
Trong đó, giá vốn với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	5.856.220.919	8.156.327.004

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	10.733.383.127	12.581.665.520
	10.733.383.127	12.581.665.520

18. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	-	17.900.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	108.356.435	108.356.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.112.570.433	3.842.761.325
	1.220.926.868	3.969.017.760

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	1.419.931.038	1.487.896.945
Chi phí khấu hao TSCĐ	126.982.681	158.616.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.658.343	349.166.511
Chi phí bằng tiền khác	196.057.491	94.444.999
	2.075.629.553	2.090.124.479

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	13.604.500.749	24.811.838.240
Các khoản điều chỉnh tăng: <i>Chi phí không được trừ</i>	132.926.676	127.200.000
Thu nhập tính thuế TNDN	13.737.427.425	24.939.038.240
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	2.747.485.485	4.987.807.648
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	4.650.845.441	5.946.665.530
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(4.650.845.441)	(5.946.665.530)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.747.485.485	4.987.807.648

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.857.015.264	19.824.030.592
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.857.015.264	19.824.030.592
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.788.000	12.788.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	849	1.550

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	616.127.474	793.030.336
Chi phí nhân công	4.383.095.950	4.689.688.719
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.078.178.140	1.496.550.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.534.510.984	15.257.021.998
Chi phí khác bằng tiền	2.216.455.121	2.286.700.603
	17.828.367.669	24.522.992.621

23. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

24. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.145.027.079	702.155.228
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	361.489.254	534.856.183
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	783.537.825	167.299.045
Mua hàng hóa và dịch vụ		5.856.220.919	8.156.327.004
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	4.747.175.559	7.231.345.186
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	1.109.045.360	924.981.818

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		1.790.230.066	79.841.958
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	607.262.895	79.841.958
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	1.182.967.171	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn		1.110.711.965	250.057.019
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	65.608.403	2.772.000
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	1.045.103.562	247.285.019

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	37.200.000	37.200.000
Ông Trần Trung Kiên	386.199.387	430.509.499
Ông Trịnh Văn Hà	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Ngọc Sơn	30.000.000	30.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	144.000.000	144.000.000
	<u>657.399.387</u>	<u>701.709.499</u>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

25. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.


26. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2024.




Trần Trung Kiên
Giám đốc


Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng


Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

